DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN THÔNG GIỮA TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP VỚI TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: KẾ TOÁN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học phần công nhận	Học phần bổ sung	Ghi chú
I	**Khối kiến thức giáo dục đại cương**		**30**	**16**	**14**	
I.1	***Lý luận chính trị***		***11***	*2*	*9*	
1	LCML2101	Triết học Mác - LêNin	3		H	
2	LCML2102	Kinh tế chính trị Mác - LêNin	2		H	
3	LCML2103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	C		
4	LCTT2104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		H	
5	LCLS2105	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		H	
I.2	***Khoa học xã hội***		***6***	***6***	***0***	
6	LTPL2101	Pháp luật đại cương	2	C		
7	KTQU2151	Kỹ năng mềm	2	C		
8	KTQU2101	Quản trị học	2	C		
I.3	***Ngoại ngữ***		***8***	***6***	***2***	
9	NNTA2101	Tiếng Anh 1	3	C		
10	NNTA2102	Tiếng Anh 2	3	C		
11	NNTA2103	Tiếng Anh 3	2		H	
I.4	***Khoa học tự nhiên – Tin học***		***5***	***2***	***3***	
12	KDTO2108	Toán cao cấp	3		H	
13	CTKH2151	Tin học đại cương	2	C		
I.5	***Giáo dục thể chất***		***5***	***3***	***2***	
		Giáo dục thể chất 1,2,5	3	C		
		Giáo dục thể chất 3,4	2		H	
I.6	***Giáo dục quốc phòng - an ninh***		***8***	***4***	***4***	
		Giáo dục quốc phòng - an ninh 1,3	4	C		
		Giáo dục quốc phòng - an ninh 2,4	4		H	
II	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**		**103**	**37**	**66**	
II.1	***Kiến thức cơ sở ngành***		***19***	*12*	*7*	
14	KTKH2350	Lịch sử kinh tế	2		H	
15	KTTC2301	Tài chính - Tiền tệ	3	C		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học phần công nhận	Học phần bổ sung	Ghi chú
16	KTKH2301	Kinh tế vi mô	3	C		
17	KTKH2302	Kinh tế vĩ mô	3		H	
18	KTTM2301	Kinh tế tài nguyên và môi trường	2	C		
19	KTPT2301	Nguyên lý thống kê kinh tế	2		H	
20	KTQU2302	Quản trị kinh doanh	2	C		
21	KTQU2303	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	2	C		
II.2	***Kiến thức ngành***		***63***	**21**	**42**	
22	KTQU2304	Quản trị dự án đầu tư	2	C		
23	KTPT2303	Thống kê doanh nghiệp	2	C		
24	KTKN2509	Nguyên lý thẩm định giá	2		H	
25	KTKE2501	Nguyên lý kế toán	3		H	
26	KTKE2502	Phân tích kinh doanh	3		H	
27	KTKE2503	Kế toán công	3		H	
28	KTKE2504	Kế toán ngân hàng	2		H	
29	KTKN2501	Lý thuyết kiểm toán	3		H	
30	KTKE2505	Hệ thống thông tin kế toán	3		H	
31	KTKE2506	Kế toán máy	3	C		
32	KTKE2507	Đạo đức nghề nghiệp	2		H	
33	NNTA2557	Tiếng Anh chuyên ngành	3	C		
34	KTKE2508	Kế toán quản trị 1	3		H	
35	KTKE2509	Kế toán quản trị 2	3		H	
36	KTKE2510	Kế toán tài chính 1	4	C		
37	KTKE2511	Kế toán tài chính 2	3		H	
38	KTKE2512	Phân tích báo cáo tài chính	2		H	
39	KTKN2502	Kiểm toán tài chính	3		H	
40	KTKE2522	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	2		H	
41	KTKE2525	Kiến tập nghề nghiệp	4	C		
42	KTTC2503	Tài chính doanh nghiệp	3	C		
43	KTKE2521	Kế toán quốc tế	2		H	
44	KTQU2590	Thương mại điện tử	3		H	
II.3	***Kiến thức chuyên ngành (Kế toán doanh nghiệp)***		***9***	***4***	***5***	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Học phần công nhận	Học phần bổ sung	Ghi chú
II.3.1	***Chuyên sâu về Kế toán doanh nghiệp***		***9***	***4***	***5***	
45	KTKE2615	Kế toán chi phí	2		H	
46	KTKE2616	Thuế và kế toán thuế	3		H	
47	KTKE2617	Thực hành nghề nghiệp	4	C		
II.3.2	***Chuyên sâu về Kế toán-kiểm toán***		***9***	***4***	***5***	
48	KTKN2603	Kiểm toán hoạt động	3		H	
49	KTKN2604	Kiểm toán môi trường	2		H	
50	KTKN2605	Thực hành nghề nghiệp	4	C		
II.4	***Thực tập và khóa luận tốt nghiệp***		***12***	**0**	**12**	
51	KTKE2717	Thực tập tốt nghiệp	6		H	
52	KTKE2818	Khóa luận tốt nghiệp	6		H	
II.5	***Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp***		**6**	***0***	***6***	
II.5.1	***Chuyên sâu về Kế toán doanh nghiệp***		***6***	***0***	***6***	
53	KTKE2819	Hệ thống chuẩn mực kế toán	3		H	
54	KTKE2820	Mô phỏng nghiệp vụ kế toán	3		H	
II.5.2	***Chuyên sâu về Kế toán-kiểm toán***		***6***	***0***	***6***	
55	KTKN2805	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán	3		H	
56	KTKN2806	Mô phỏng nghiệp vụ kiểm toán	3		H	
	Tổng cộng		**133**	**53**	**80**	